

Số: 26 /2024/QĐST-HNGĐ

A Lưới, ngày 13 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2024/TLST ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Trần Phương N, sinh năm: 1946; Địa chỉ: Thôn CC 2, xã HV, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bà Trịnh Thị M, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn CC 2, xã HV, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 03 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện A Lưới nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phương N và Bà Trịnh Thị M đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 01 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Vân, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc nên quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà M là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau có nhiều hạnh phúc. Vì bà M ngoại tình, ông N khuyên bảo mãi không được nên tháng 10/2016 hai vợ chồng ly thân cho đến nay. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt nhận thấy mục đích hôn nhân không thể cứu vãn được và yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông N và bà M đã trầm trọng, tình cảm

vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa ông N và bà M là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa Ông Trần Phương N và Bà Trịnh Thị M.

[2] Về con chung: Ông Trần Phương N và Bà Trịnh Thị M có 04 (bốn) người con chung là: Trần Thị Kim Nh sinh ngày 11/12/2002, Trần Ngọc Nh1 sinh ngày 04/6/2005, Trần Thị Anh Ng sinh ngày 02/12/2009 và Trần Thị Ngọc Nh2 sinh ngày 05/10/2022.

Trần Thị Kim Nh sinh ngày 11/12/2002 và Trần Ngọc Nh1 sinh ngày 04/6/2005 đã trưởng thành và có sức khoẻ bình thường nên ở với ai là quyền của các con.

ông N và bà M thoả thuận giao cho ông N trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con Trần Thị Anh Ng, sinh ngày 02/12/2009 và bà M trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con Trần Thị Ngọc Nh2, sinh ngày 05/10/2022. Không bên nào nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Thời gian từ lúc có quyết định ly hôn cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung: ông N và bà M tự phân chia tài sản chung và không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: ông N và bà M không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Toà án: ông N và bà M thoả thuận: ông N nộp toàn bộ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phương N và Bà Trịnh Thị M thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Trần Thị Kim Nh sinh ngày 11/12/2002 và Trần Ngọc Nh1 sinh ngày 04/6/2005 đã trưởng thành và có sức khoẻ bình thường nên ở với ai là quyền của các con.

ông N và bà M thoả thuận giao cho ông N trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con Trần Thị Anh Ng, sinh ngày 02/12/2009 và bà M trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con Trần Thị Ngọc Nh2, sinh ngày 05/10/2022. Không bên nào nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Thời gian từ lúc có quyết định ly hôn cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: ông N và bà M tự phân chia tài sản chung và không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: ông N và bà M không có nợ chung.

2. Về lệ phí: Công nhận sự thoả thuận giữa Ông Trần Phương N và Bà Trịnh Thị M: Ông Trần Phương N tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002551 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới. ông N đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND Huyện A Lưới;
- CCTHADS Huyện A Lưới;
- UBND xã Hồng Vân, huyện A Lưới;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**  
(Đã Ký)

**Hồ Văn Vĩnh**